TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-PT
Ngày 25 - 8– 2021
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử
Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và bà Phạm Thị Thông
Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa– Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2021về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST, ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2021/QĐ-PT ngày 09-8-2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm: 1952; địa chỉ: Tổ 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

Người đại diên theo ủy quyền bà Nguyễn Thị T2, địa chỉ: Tổ 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Văn K, Công ty TNHH MTV Sài gòn chi nhánh An Nhơn, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn T1, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 2, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

2. Bà Quỳnh Mông L, sinh năm: 1955; địa chỉ: Tổ 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; Người đại diên theo ủy quyền bà Nguyễn Thị T2, địa chỉ: Tổ 1, phường N, Thành phố G, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

4. Người làm chứng:

1. Ông Bùi Văn C; sinh năm: 1962; địa chỉ: Tổ 2, phường N, thành phố G, Đắk Nông; có mặt.

2. Ông Vũ Minh C1; sinh năm: 1946; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, Đắk Nông; có mặt.

3. Ông Lê T4; sinh năm: 1953; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, Đắk Nông; có mặt.

4. Ông Nguyễn Ngọc Đ; sinh năm: 1972; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, Đắk Nông; vắng mặt.

5. Ông Phạm Văn T3 và bà Nguyễn Thị Hồng V; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thành phố G, Đắk Nông; có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Số 49, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường N, thành phố G, Đắk Nông; vắng mặt.

*Người kháng cáo:*Nguyên đơn ông Trần Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh T là bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Vào năm 2000, ông T mua một thửa đất của bà Nguyễn Thị Hồng V (tên gọi khác Nguyễn Thị V), bao gồm đất trồng cà phê và đất sình. Phần đất trồng cà phê được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(CNQSDĐ) vào năm 2007 và không có tranh chấp. Phần đất sình ông Tđã trồng cỏ và nuôi dê từ năm 2000; đến năm 2018, ông T1 đưa máy múc đến múc hồ thì xảy ra tranh chấp. Phần đất sình tranh chấp chưa được cấp giấy CNQSDĐ có diện tích khoảng hơn 7000 m^2, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp suối;

Phía Tây giáp đất ông Trần Minh T;

Phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị T2;

Phía Nam giáp đất ông Nguyễn T1.

Ông Trần Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn T1 phải trả cho ông Trần Minh Tdiện tích khoảng hơn 7000 m^2 đất sình cỏ mà ông Nguyễn T1 đã lấn chiếm.

Bị đơn trình bày: Vào năm 1987, gia đình bị đơn có khai hoang phần đất sình, năm 1988 đào ao lấy nước tưới, trồng cỏ và dựng một truồng bò để nuôi bò. Năm 2016, gia đình bị đơn thuê máy múc hồ, san mặt bằng trồng cây và làm đường đi thì không thấy ai phản đối, đến năm 2018, bà Nguyễn Thị T2 cho rằng phần diện tích đất mà bị đơn khai hoang từ năm 1987 là của ông Trần Minh T và xảy ra tranh chấp, diện tích đất tranh chấp khoảng hơn 8000m^2. Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai:

Bà Nguyễn Thị T2 là đại diện theo ủy quyền của Quỳnh Mộng L: Đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và không khai gì thêm.

Bà Nguyễn Thị Hồng H, đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn T1 và không khai gì thêm.

Những người làm chứng khai:

Ông Bùi Văn C khai: Ông Bùi Văn C là người làm công cho gia đình ông Phạm Văn T3 và bà Nguyễn Thị Hồng V từ năm 1990 đến khi bà V bán rẫy cho ông Tthì nghỉ làm. Trong thời gian làm thuê cho bà V ông, ông C thấy phần đất sình tiếp giáp vườn cà phê của bà V ông T2 là do gia đình ông T1 sử dụng và

có đào một cái hồ, dựng một chuồng; bà V ông T2 xin nước hồ nhà ông T1 để tưới cà phê.

Ông Vũ Minh C1 trình bày: Ông nguyên là phó chủ tịch UBND huyện Đắk Nông tỉnh Đắk Lắk, vào thời gian này nhà nước khuyến khích người dân phát triển kinh tế nên ông thường xuyên đi khảo sát, kiểm tra và vận động bà con trồng cà phê nên ông biết là năm 1987 gia đình ông T1 có trồng cà phê trên đất rẫy và có nuôi đàn bò. Năm 1988 gia đình ông T1 có đào 01 ao (hồ) tại phần đất sình tiếp giáp phần rẫy của ông T2 và bà V, đồng thời tại phần đất sình này có trồng cỏ voi để nuôi bò, thời điểm này tại nhà ông T1 có 01 đàn bò khoảng 10 con. Ông khẳng định phần đất sình tranh chấp gia đình ông Nguyễn T1 đã sử dụng từ năm 1988.

Ông Nguyễn Ngọc Đ khai: Ông Nguyễn Ngọc Đ là người làm thuê cho gia đình ông Nguyễn T1 từ năm 1987, khi đó ông Đ 15 tuổi. Ông Đ là người trực tiếp đào 01 hồ nước bằng tay tại phần đất sình phía cuối giáp rẫy ông Tứ bà V (sau này ông Tứ không sống với bà V; bà V lấy ông T2 và tiếp tục sử dụng rẫy cà phê. Đến năm 2000, ông T2 và V bán rẫy cà phê cho ông Trần Minh Thuận). Ông Đ là người làm nhà nuôi bò và trồng cỏ nuôi bò tại phần đất sình giáp rẫy ông Trần Minh Thuận, ông Đ cũng là người trực tiếp chăm 10 con bò nhà ông Nguyễn T1. Vào mùa tưới cà phê ông T2 bà V sang xin nước hồ nhà ông T1 để tưới cà phê. Đến khoảng năm 2016 thì ông T1 có cải tạo thêm phần đất sình cho gọn, lúc đó có nhờ ông Đ đến dọn dẹp. Trong quá trình cải tạo lại phần đất sình thì không có ai ý kiến gì.

Ông Lê T5 khai: Ông là chồng cũ của bà Nguyễn Thị Hồng V, khi chung sống với bà V, ông bà có canh tác rẫy cà phê khoảng 300 cây, phía Đông tiếp giáp phần đất sình của gia đình ông T1. Sau này ông không chung sống với bà V, phần đất rẫy này bà V tiếp tục sử dụng và canh tác.

Ông Nguyễn Văn T3 khai: Vào năm 2000, ông Nguyễn Văn T3 bà Nguyễn Thị Hồng V bán cho ông Trần Văn T4 và bà Nguyễn Thị T2 thửa đất tọa lạc tại bon Kol, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Lắk cũ (nay là tổ dân phố 1, phường N, Thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Khi giao đất đã chỉ mốc như sau: Phần đất của bà T2 bao gồm cả phần đất sình; phần đất của ông T phía Đông tiếp giáp sình cỏ nhà ông Nguyễn T1 (không có đất sình), lấy cây dẻ rừng làm ranh, hiện nay gốc cây dẻ vẫn còn. Giấy sang nhượng đất là do ông viết và tự ký tên bà V.

Bà Nguyễn Thị D khai: Về phần diện tích đất sình mà các bên tranh chấp bà D không biết.

Bản án dân sự số: 11/2021/DS-ST ngày 08-6-2021 của Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bô luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 101; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 91 Nghị đinh 43 của chính phủ; Điều 236của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh T đối với ông Nguyễn T1.

2. Ông Nguyễn T1 có quyền thực hiện việc xác lập quyền sử hữu phần đất sinh có diện tích 8.125.90m^2, tứ cận:

Phía Đông giáp suối;

Phía Tây giáp đất ông Trần Minh T;

Phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị T2;

Phía Nam giáp đất ông Nguyễn T1.

Đất tọa lạc tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Theo quy định tại Điều 236 của Bộ luật dân sự năm 2015

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14-6-2021nguyên đơn ông Trần Minh T kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 08-6-2021 của Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng bản án sơ thẩm chưa thấu tình đạt lý vì Nguyên đơn yêu cầu mời ông Tr là người làm chứng nhưng tòa sơ thẩm không mời, nhân chứng về phía Bị đơn thì 04 người là thân thích, quá trình giải quyết tranh chấp bị đơn vẫn tiếp tục làm thay đổi hiện trạng là vi phạm pháp luật và theo thông lệ quyền sử dụng đất của gia đình nào thì phần sinh tiếp giáp thuộc về gia đình đó.

- Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- **Về tố tụng**: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- **Về nội dung**: Sau khi phân tích, đánh giá về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đối chiếu với các quy định của pháp luật đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, áp dụng Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyên đơn; Hủy và đình chỉ nội dung của bản án: Ông Nguyễn T1 có quyền thực hiện việc xác lập quyền sử hữu phần đất sinh có diện tích 8.125.90m^2, tứ cận: Phía Đông giáp suối; Phía Tây giáp đất ông Trần Minh T; Phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị T2; Phía Nam giáp đất ông Nguyễn T1. Đất tọa lạc tổ dân phố 1, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông vì không thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thời hạn kháng cáo*: Ngày 14-6-2021, nguyên đơn ông Trần Minh T kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 08-6-2021 của

Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa trong thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định pháp luật.

[2]. *Xét kháng cáo của nguyên đơn,căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[2.1].Về nguồn gốc đất của nguyên đơn:

Ngày 02.01.1997 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ, tỉnh Đăk Lăk ban hành Quyết định số 18/QĐ-UB giao quyền sử dụng đất(QSDĐ) cho bà Nguyễn Thị V 17.100 m^2 đất có tứ cận: Đông giáp sình cỏ; Tây giáp đường vào thủy điện; Nam giáp rẫy cà phê ông T1; Bắc giáp rẫy cà phê ông V1 (BL 157). Ngày 02.6.2000 bà Nguyễn Thi V chuyển nhượng QSDĐ cho ông Trần Văn T diện tích 17.100 m^2 đất, hợp đồng đã được chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (BL 159). Ngày 11.12.2007 UBND thị xã G, tỉnh Đăk Nông cấp cho ông Trần Minh T giấy chứng nhận QSDĐ số AK 675036 thửa đất số 45 diện tích 15.271 m^2 tờ bản đồ số 48 đo năm 1999, tọa lạc tại tổ dân phố 1, phường N, thị xã G, tinh Đăk Nông; Biên bản xác định mốc giới để ông Tđược cấp giấy chứng nhận QSDĐ có ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị T2 ký giáp ranh (BL 152, 149).

Từ chứng cứ, tài liệu nêu trên, có căn cứ kết luận: Phần đất bà V được UBND huyện Đ giao quyền sử dụng đất giáp đất sình, diện tích đất bà V hợp đồng chuyển nhượng cho ông T chỉ giáp sình không bao gồm diện tích đất sình đang tranh chấp với hộ ông T1.

2.2. Về nguồn gốc đất của bị đơn: Ngày 02.8.1994 ông Nguyễn T1 có đơn xin giao quyền sử dụng đất trồng cây diện tích 03 ha, có tứ cận: Đông giáp sình nước; Tây giáp đường vào thủy điện; Bắc giáp rẫy ông Th; Nam giáp rẫy ông L, có sự đồng ý của cơ quan chức năng (BL 155). Ngày 24.10.2002, UBND huyện Đ, tỉnh Đăk Lăk cấp cho hộ ông Nguyên T1 giấy chứng nhận QSDĐ số N 173628 thửa đất số 46,47,48 tổng diện tích 39.520 m^2, tờ bản đồ số 18 đo năm 1999, tọa lạc tại thi trấn G, huyện Đ, tỉnh Đăk Lắk (BL 154,155).

Từ chứng cứ, tài liệu nêu trên, có căn cứ kết luận diện tích đất sình hiện đang tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số N 173628 ngày 24.10.2002 đã cấp cho hộ ông Nguyễn T1

2.3. Xét thấy: Diện tích đất tranh chấp theo kết quả xem xét thẩm định là 8.125,90 m^2 , cả ông Trần Minh T và hộ ông Nguyễn T1 từ trước đến nay chưa ai khai báo gì với địa phương để lập hồ sơ địa chính, chưa hộ nào có một trong các loại giấy tờ theo Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và theo Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Tài sản gắn liền với đất tranh chấp có 04 cái ao nước và cây trồng trên đất. Toàn bộ tài sản gắn liền với đất Nguyên đơn thừa nhận là của Bị đơn tạo ra, đương sự không tranh chấp tài sản gắn liền với đất.

-Theo Biên bản kiểm tra hiện trạng đất đai lập ngày 05.6.2018 gửi kèm theo đơn khởi kiện thể hiện trên đất tranh chấp có 01 nền nhà cũ của ông T1 nay đã san ủi mặt bằng (BL 25). Lời khai những người làm chứng xác định diện tích đất tranh chấp hộ ông Nguyễn T1 quản lý, sử dụng từ trước đến nay.

- Công văn số: 241/UBND-ĐC ngày 04.3.2021 UBND phường N, thành phố G, tỉnh Đăk Nông xác định diện tích đất tranh chấp theo tờ bản đồ đo tháng 7/1999 là đất hoang, cả ông Trần Minh T và hộ ông Nguyễn T1 từ trước đến nay chưa ai khai báo gì với địa phương để lập hồ sơ địa chính (BL 241).

Đối chiếu với pháp luật đất đai thì không có căn cứ pháp lý bảo hộ QSDĐ của ông Trần Minh Tđối với diện tích đất tranh chấp 8.125,90m^2 mà hộ ông Nguyễn T1 quản lý, sử dụng.

Bản án sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 08-6-2021 của Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm phía Nguyên đơn cung cấp 04 bản ảnh chứng minh cho việc ông T1 đào ao trồng cây trên đất ranh chấp. Ngoài ra không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới do đó không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

[2.4]. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết án vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có thiều sót, vi phạm cụ thể là: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn diện tích đất hơn 7000 m^2 nhưng bản án tuyên Bị đơn có quyền thực hiện việc xác lập quyền sở hữu phần đất sinh có diện tích 8.125,90 m^2 khi không có yêu cầu phản tố là vượt quá phạm vi của vụ án. Nếu có yêu cầu phản tố của Bị đơn thì cũng phải xác minh chính quyền diện tích đất tranh chấp có thuộc diện xem xét cấp giấy chứng nhận QSDĐ hay không, nếu thuộc diện được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì tuyên tạm giao. Thiếu sót, vi phạm trên không làm thay đổi bản chất của vụ án, do đó không cần thiết hủy án để giải quyết lại và có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa hủy bỏ phần tuyên vượt quá phạm vi của vụ án cho đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Trần Minh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bô luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 91 Nghị đinh 43 của chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Minh T: "Sửa hủy bỏ phần tuyên vượt quá phạm vi của vụ án" tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2021/DS-ST ngày 08-6-2021 của Toà án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh T đối với ông Nguyễn T1.

2. Về án phí:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Minh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ, được trừ số tiền 300.000đ đã nộp theo Biên lai số 0000179 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho ông Trần Minh T 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007057 ngày 23/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông Trần Minh T phải chịu 22.851.000 đồng, bao gồm: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định 11.851.000đ; định giá tài sản 11.000.000đ, trừ vào số tiền 22.851.000 đồng đã nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh ĐắkNông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Tài Sử

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa;
- Chi Cục THADS thành phố G;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.